

Số: 805/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (Phụ lục 1 kèm theo).

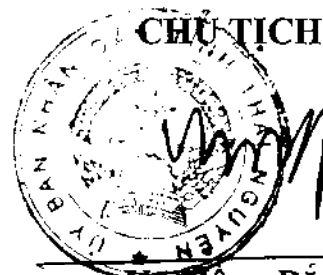
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ: 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ; 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên; 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng tại Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên (Phụ lục 2 kèm theo).


**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh: Đ/c Trưởng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. Trang 1/2



**Vũ Hồng Bắc**


**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2019*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</b>					
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp kết quả khoa học và công nghệ có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Sở Khoa học và Công nghệ.  <b>Địa chỉ:</b> Số 513, đường Lương Ngọc Quyền, thành phố Thái Nguyên.	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
2.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Sở Khoa học và Công nghệ.  Địa chỉ: Số 513, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ

## II. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.	<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b>  - Cơ quan kiểm tra chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh  - Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;  - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
----	---	---	---	--	--

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Địa chỉ: Số 513, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.		một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.
2.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Cơ quan chỉ định đánh giá	<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định</p> <p>Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.</p>			<p>một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p>
3.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức</p>	<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định.	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định</p> <p>Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.</p>			<p>lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
4.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	<p>Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật</p> <p>- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p>	<p><b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Cơ quan kiểm tra chuyên ngành thuộc UBND tỉnh;</p> <p>- Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.</p> <p>Địa chỉ: Số 513, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên.</p>	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p>



Phụ lục 2

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 4 tháng 3 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**1. Bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ đã công bố tại Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ



Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
			2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ	
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
			10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ	
3.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ

**2. Bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng đã công bố tại Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (Cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Nghị định số 154/2018/NĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ
2.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (Cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Nghị định số 154/2018/NĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
			Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành	
3.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Nghị định số 154/2018/NĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ